

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 219/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 7 - 2024
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 - Ông Tô Ngọc Liêm;
 - Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trần Long – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 430/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 405/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Kiên Thị T, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; (vắng mặt).

Bị đơn: Ông Tạ Văn K, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Kiên Thị T trình bày, qua thời gian tự tìm hiểu nhau, bà T và ông K chung sống với nhau vào tháng 7 năm 1987, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Tạ Thị Kiều O, sinh năm 1988 và Tạ Tấn T1,

sinh năm 1990. Hiện tại, các cháu đã thành niên có khả năng lao động nuôi sống bản thân. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn do thường bất đồng quan điểm, không tôn trọng nhau. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2001 cho đến nay, không tới lui thăm nhau.

Từ khi vợ chồng chung sống với nhau thì sinh sống tại ấp A, xã H và không đến Ủy ban nhân dân xã, phường để đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông K, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với 02 con chung tên Tạ Thị Kiều O, sinh năm 1988 và Tạ Tấn T1, sinh năm 1990 do các con chung đã thành niên có khả năng lao động nuôi sống bản thân; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn ông Tạ Văn K trình bày, thống nhất lời trình bày của bà T về quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình, thời gian không sống chung, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và về con chung. Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông K đồng ý ly hôn với bà T; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với các con chung Tạ Thị Kiều O, sinh năm 1988 và Tạ Tấn T1, sinh năm 1990 do các cháu đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Tờ tự khai của bà Kiên Thị T; Căn cước công dân tên Kiên Thị T (bản sao); Giấy khai sinh số 111, quyển số 01/1993, ngày 10/4/1993 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C cấp đối với Tạ Thị Kiều O (bản sao); Giấy khai sinh số 112, ngày 10/4/1993 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C cấp đối với Tạ Tấn T1 (bản sao) và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/6/2024.

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 24/6/2024.

Tại phiên tòa:

- Bà T, ông K đều có yêu cầu xin xét xử vắng mặt và không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận bà T, ông K là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Kiên Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Tạ Văn K. Đồng thời, ông K cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Kiên Thị T và ông Tạ Văn K đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa và có yêu cầu Tòa án xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông K theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Kiên Thị T và ông Tạ Văn K sau thời gian quen biết và tìm hiểu, bà T và ông K chung sống với nhau vào tháng 7 năm 1987 nhưng không đăng ký kết hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 23/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang về việc “Thông tin đăng ký kết hôn” giữa bà T và ông K tại Ủy ban nhân dân xã H thì không tìm thấy hồ sơ đăng ký kết hôn của bà T và ông K.

Xét, bà T và ông K chung sống với nhau vào năm 1987 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, không công nhận bà T và ông K là vợ chồng theo khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông K thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với 02 con chung tên Tạ Thị Kiều O, sinh năm 1988 và Tạ Tấn T1, sinh năm 1990 nên không yêu cầu đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông K thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Kiên Thị T và ông Tạ Văn K là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà T và ông K thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với 02 con chung tên Tạ Thị Kiều O, sinh năm 1988 và Tạ Tấn T1, sinh năm 1990 do đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Kiên Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015569 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 04 tháng 6 năm 2024; bà Kiên Thị T đã nộp đủ án phí.

Ông Tạ Văn K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Bà Kiên Thị T, ông Tạ Văn K có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pKhung thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Lắm